

NGHỆ THUẬT CHAMPA THẾ KỶ 11 VÀ 12 TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI ĐẾ CHẾ CHOLA QUA CON ĐƯỜNG HẢI THƯƠNG

Trần Kỳ Phương*

Dẫn nhập

Thời kỳ phát triển rực rỡ của nghệ thuật Champa (Chiêm Thành) có thể nhận thức qua các công trình kiến trúc và điêu khắc của vương quốc được sáng tạo vào thế kỷ 11 và 12 dưới các triều vua Harivarman và Jaya Harivarman. Đặc biệt về sự hoàn thiện kỹ thuật xây dựng đền-tháp cũng như xu hướng thẩm mỹ hiển hiện những ảnh hưởng nghệ thuật từ đế chế Chola ở Nam Ấn Độ.⁽¹⁾ Trước đây, ảnh hưởng của văn hóa và nghệ thuật từ Nam Ấn Độ đến Champa đã được các nhà nghiên cứu lịch sử nghệ thuật quan tâm (Boisselier 1963: 26, 27, 135; Baptiste 2010: 151-87). Tuy nhiên, để chỉ ra một cách cụ thể những ảnh hưởng của Chola đến Champa qua các công trình nghệ thuật tôn giáo; nhất là, đặt mối quan hệ ấy trong bối cảnh giao thương hàng hải giữa Nam Ấn, Đông Nam Á và Hoa Nam, thì, chưa có công trình nào tiêu biểu. Tiểu luận này nghiên cứu mối quan hệ đó dựa trên những cứ liệu được dẫn chứng từ các công trình của nghệ thuật Chăm sáng tạo từ thế kỷ 11-13; và các biến cố lịch sử xảy ra trong vương quốc Champa từ cuối thế kỷ thứ 10 về sau.

(Các) Vương quốc Champa (Chiêm Thành) tọa lạc trên con đường hải thương kết nối Nam Ấn và Hoa Nam, nhờ thế người Champa đã thiết lập những trung tâm trung chuyển hàng hóa bằng một hệ thống các cảng-thị/tiểu quốc cảng-thị để xuất nhập khẩu các mặt hàng cao cấp dựa theo nhu cầu (Hall 2018: 19-30). Vì thế vương quốc này đã đóng một vai trò trọng yếu trong mối quan hệ giữa đế chế Chola với Trung Hoa và các vương quốc khác ở Đông Nam Á đương thời. Những thế kỷ cuối của thiên niên kỷ thứ nhất trước Công nguyên đã chứng kiến hoạt động thương mại phát triển không ngừng giữa Ấn Độ và Đông Nam Á, và sự ôn hòa của công cuộc truyền bá văn hóa Ấn Độ qua biển Bengal trong suốt thiên niên kỷ này là sự hiếm thấy trong lịch sử thế giới. Phật giáo và Ấn giáo đã ghi dấu sâu sắc và lâu bền trên sự xuất hiện của các nền văn hóa Đông Nam Á lục địa và hải đảo. Sự ảnh hưởng nổi bật đầu tiên của Nam Ấn thường được gắn liền với nghệ thuật Phật giáo nổi tiếng của Amaravati, và tấm minh văn Pallava Grantha sớm nhất được khắc vào thế kỷ thứ 5 đã tìm thấy ở Indonesia ngày nay; và của một minh văn Champa được

* Thành phố Đà Nẵng.

khắc vào cuối thế kỷ thứ 4 hoặc đầu thế kỷ thứ 5 tìm thấy tại thánh địa Mỹ Sơn dưới triều vua Bhadravarman tức là Phạm Hồ Đạt trị vì khoảng 381-418; tiếp theo là những tác động mạnh mẽ hơn của nghệ thuật và kiến trúc Pallava và Chola đến Đông Nam Á (Kulke 2009: xiii).

Tuy nhiên, vào đầu thế kỷ 11, khoảng năm 1025, vua Chola là Rajendra I đã tiến hành những cuộc chinh phạt bằng hải quân được ghi lại trong các minh văn của ông, là ông “đã tiêu diệt nhiều tàu thuyền trong sương mù của biển cả dậy sóng”; và ông cũng đã chiếm lĩnh nhiều cảng-thị cùng với vương quốc nổi tiếng Srivijaya trên đảo Sumatra cũng như trên bán đảo Mã Lai (Coedès 1968: 142-43). Đây là biến cố vũ lực duy nhất trong mối quan hệ vốn mang tính ôn hòa, văn hóa, nổi trội giữa Ấn Độ với các vương quốc láng giềng ở Đông Nam Á (Kulke 2009: xi).

Suy nghĩ về những mối quan hệ ôn hòa được lưu dấu một cách đặc thù của Ấn Độ và của Nam Ấn đối với Đông Nam Á, thì, những cuộc chinh phạt bằng hải quân của Chola với Srivijaya vào năm 1025, và tiếp theo bằng những cuộc chinh phục nhỏ hơn vào khoảng năm 1070, là những vấn nạn vẫn còn làm bối rối các sử gia (Kulke 2009: xiv). Năm 1955, Nalakanta Sastri, sử gia lỗi lạc nhất của Nam Ấn, đã truy vấn thẳng vấn đề này trong tác phẩm kinh điển của ông về Chola, “tại sao cuộc chinh phạt chống lại vua Kadam [của Srivijaya, thuộc bang Kedah của Malaysia hiện nay] lại xảy ra và hiệu quả của nó là gì?”; và, ông đưa ra kết luận sau khi đã phân tích chi tiết các nguồn tư liệu: “Chúng ta phải thừa nhận hoặc là có một vài âm mưu nào đó về phía Srivijaya nhằm gây trở ngại cho con đường thương mại giữa Chola với phía Đông [Đông Á], hoặc giả có khả năng hơn, chỉ đơn giản là về phía Rajendra muốn bành trướng chính sách *digvijaya* [chinh phục thế giới] tới các vương quốc trên biển quá nổi tiếng với thần dân của ông ở quê nhà, và nhân đó tô điểm thêm hào quang vào vương miện của ông.” (Sastri 1955: 218-20).

Trong khi Majumdar giả định rằng những cuộc chinh phục của Chola đến Đông Nam Á vào đầu thế kỷ 11 có thể giải thích bằng hai cách, “Có thể là vua Chola Rajendra đã đe dọa trừng phạt Kambuja [Campuchia] và vị quốc vương của xứ này đã cố tránh thảm họa bằng cách xin hòa giải với ngài. Tuy nhiên, một cách công bằng hơn, hoặc giả, thậm chí tương xứng hơn trong ngữ cảnh của minh văn, rằng quốc vương Kambuja đã cố gắng dành được sự ủng hộ của Rajendra để chống lại một kẻ thù nào đó đã đe dọa vương quốc của ông.” (1961: 341). Giả định của Majumdar có thể tương ứng với trường hợp của Champa mà chúng ta sẽ thảo luận dưới đây.

Những quan hệ chính trị vào thế kỷ thứ 10 và quan điểm mới về nghiên cứu mối quan hệ Chola và Champa

Trên quan điểm nhìn từ Champa, trong bối cảnh này, những cuộc chinh phạt của Rajendra đến Đông Nam Á vào những năm 1025 và 1070, có thể được giải

thích bằng cách so sánh với các biến cố quân sự và chính trị nổi bật đã xảy ra tại Champa vào thời điểm đó. Để làm vậy, chúng ta có thể nêu một giả thuyết để nghiên cứu vấn đề này dựa trên những dữ kiện lịch sử của Champa như sau. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư* (*Toàn thư*), vào năm 982, Lê Hoàn đã đem quân tiến chiếm kinh đô Champa, sử chép, “Vua thân [chinh] đi đánh Chiêm Thành, thắng được. Trước đó, vua sai Từ Mục, Ngô Tử Canh sang sứ Chiêm Thành, bị người Chiêm bắt giữ. Vua giận, sai đóng thuyền, sửa binh khí, tự làm tướng đi đánh, chém Bê Mi Thuê [Paramesvaravarman?] tại trận. Chiêm Thành thua to. Bắt sống được binh sĩ của chúng nhiều vô kể, cùng với kỹ nữ trong cung trăm người và một nhà sư người Thiên Trúc, lấy các đồ quý đem về, thu được vàng bạc của báu hàng vạn; san phẳng thành trì, phá hủy tông miếu, vừa một năm thì trở về kinh đô.” (*Toàn thư* 1993: 122). Sau khi Lê Hoàn rút quân về Hoa Lư, một vị quân giáp của ông tên là Lưu Kế Tông/Lưu Kỳ Tông đã trốn ở lại Chiêm Thành, chiếm ngôi và tự xưng vương để cai trị vương quốc; người mà một năm sau (984?), Lê Hoàn đã sai con nuôi của mình giết chết (*Toàn thư* 1993: 222).

Dù cướp ngôi chỉ có một năm nhưng Lưu Kế Tông/Kỳ Tông đã thống trị Champa rất hà khắc, các nhân chứng đương thời là các thương nhân Ả Rập đã kể lại rằng, “Abu Dulaf nói rằng: vào thời kỳ đó (khoảng giữa thế kỷ thứ 10), tôi đang ở Ấn Độ, vị vua cai trị Champa tên là Lakin. Nhà sư Nadjran kể với tôi rằng, trong thời kỳ này (từ 980 đến 986), vua [của Champa] là một vị vua xưng là Quốc vương Lukin [Lưu Kỳ], kẻ đã chiếm cứ Champa, cướp phá vương quốc và nô dịch tất cả thần dân.” (Ferrand 1913: 123). Niên đại và danh xưng của vị vua ở Champa và những biến cố lịch sử mà các nhà du hành Ả Rập đã ghi chép hoàn toàn phù hợp với các dữ kiện lịch sử mà sử sách Đại Việt đã nêu lên.

Biến cố lịch sử quan trọng này cũng được ghi rõ trong sách *Tổng hội yếu* của Trung Hoa, sách này cho biết rằng vào những năm đầu thập niên 80 của thế kỷ thứ 10, có chiến tranh giữa Champa (Chiêm Thành) và Đại Cồ Việt; vua Đại Cồ Việt là Lê Hoàn muốn dâng cho triều Tống 93 tù nhân người Chăm. Vào năm 985, sứ thần Champa đã ta thán rằng lãnh thổ của họ bị xâm chiếm bởi Giao Châu (Đại Cồ Việt) đồng thời với sự bỏ chạy của người Chăm vào lãnh thổ nhà Tống để tránh sự chiếm cứ của Đại Việt. Vào cuối năm 986, một đơn vị hành chính của nhà Tống ở Hải Nam ghi chép khoảng một trăm người Chăm chạy trốn đến đảo này. Cuộc trốn chạy của người Chăm được ghi nhận vào năm 986 cùng năm với sự cướp ngôi của Lưu Kỳ Tông (?) (Wade 2011: 143-45). Vì ghi chép của *Tổng hội yếu* về thời điểm cướp ngôi của Lưu Kỳ Tông có sai biệt với *Toàn thư* nên vẫn chưa thể xác minh được chính xác là việc cướp ngôi của Lưu Kỳ Tông xảy ra vào năm 983 hay vào những năm sau đó; nhưng chỉ trong khoảng từ năm 983 đến 986. Như vậy cuộc

chính biến này đã vang động đến cả vùng Hoa Nam lẫn Ấn Độ, có thể vì nó đã tác hại đến tình trạng giao thương đương thời.

Chính sách cai trị hà khắc của Kỳ Tông tại vùng Amaravati (Quảng Nam ngày nay) cũng có thể được minh chứng qua một số lượng lớn văn bia của thánh địa Mỹ Sơn phát hiện tại các nhóm tháp A, B, C, D, có niên đại từ thế kỷ thứ 8 đến thứ 10, bị đập vỡ hoặc bị đục xóa từng dòng văn khắc một cách rất cẩn thận dưới thời cai trị của ông (Trần Kỳ Phương 1994: 289-90). Đây là cuộc tấn công đầu tiên của Đại Việt vào trung tâm chính trị, kinh tế và tôn giáo của Champa và đã gây ra những tổn thất rất nặng nề cho miền Bắc Champa do đó có khả năng những hoạt động kinh tế ở vùng này đã hoàn toàn bị đình trệ (Trần Kỳ Phương 2017: 597-601).

Kế tiếp là những cuộc chinh phạt khác của triều Lý vào miền Bắc Champa trong những năm 1026, 1044 và 1069. Những cuộc binh biến khùng khiếp này đã gây nên tình trạng hỗn loạn trong vương quốc Champa suốt nhiều thập niên. Vì thế, vào năm 1000, vua Champa là Yang Pu Ku Vijaya xưng vương vào những năm cuối của thế kỷ thứ 10, đã tự tấn phong tại kinh đô Vijaya (trong vùng Bình Định ngày nay), kinh đô mới này cách kinh đô cũ là Simhapura ở Quảng Nam khoảng 300km về phía nam; và vào năm 1004-1005 ông đã gửi sứ thần đến Trung Hoa để thông báo về việc dời đô của mình (Coedès 1968: 139-41).

Như ta đã biết, cuộc chính biến chỉ xảy ra ở miền Bắc vương quốc trong khi miền Nam vẫn bình an và ổn định, vẫn được cai trị bởi các vị vua hùng mạnh theo như những ghi chép trong nhiều văn bia tìm thấy tại thánh địa Po Nagar Nha Trang và trong vùng Panduranga (Phan Rang, Ninh Thuận). Nội dung những minh văn này đề cập đến quyền lực của các triều vua và việc trừng tu, cúng dường vào các cơ sở thờ tự của hoàng gia liên tục trong suốt thời kỳ trên (Gozio 2004: 128-35 [C.30B3], [C.122], [C.39], [C.95], [C.31A2]). Vì thế, phải chăng các vị vua Chăm ở miền Nam bao gồm các tiểu quốc Panduranga,⁽²⁾ Kauthara và Vijaya đã thỉnh cầu sự viện trợ quân sự của Chola để giành lại miền Bắc vương quốc đã rơi vào tay Đại Việt và để tái thiết đất nước? Nếu thật vậy, chúng ta có thể so sánh giả định này, được trùng hợp một cách khít khao, với những suy luận của Sastri (1955: 220), “Chúng ta sẽ thấy sau đây rằng một trong những vị vua thừa kế của Rajendra, là vua Virarajendra I, tuyên bố đã chinh phục Karadam và trừng tu nó cho người lãnh đạo vì vị vua này đã van xin sự cứu trợ trước kẻ chinh phục. Trong mọi trường hợp, không có chứng cứ gì để xác định Chola đã nỗ lực cai trị những vùng đất này như một tỉnh thành của đế chế.”

Liên quan đến giả định trên, chúng ta có một sử liệu khác của Champa để so sánh, đó là, sau khi giành lại được đất nước từ tay Đại Việt, một vị vua Chăm đương thời tên là Harivarman, trị vì khoảng năm 1074-1081, đã mang lại bình yên cho

vương quốc, có thể nhờ vào sự viện trợ của Chola (?), và công đức của ông được ca ngợi trong các minh văn tìm thấy tại thánh địa Mỹ Sơn như sau, “kẻ thù đã vào vương quốc Champa và tự xưng là những kẻ cầm quyền; đã chiếm đoạt tất cả tài sản của hoàng gia và của cải của chư thần; đã cướp bóc đền đài và tu viện ... đã tàn phá mọi thứ trong các tỉnh thành của vương quốc Champa; đã cướp đoạt ngôi đền của đấng Śrīśānabhadreśvara và cướp đoạt tất cả của cải quý giá của chư thần và cướp đi những người phục vụ cho đền thờ, những vũ nữ, nhạc công ... Rồi đức vua Vijaya Sri Harivarman, yāñ Devatāmūrti xưng vương. Ngài đã tiêu diệt hoàn toàn kẻ thù, chiếm lại vương quốc Champa và trùng tu ngôi đền của đấng Śrīśānabhadreśvara ... và tái thiết ... tất cả mùa màng đã bị tàn phá ... Vương quốc Champa đã trở nên hưng thịnh như xưa. Rồi đức vua làm lễ đăng quang...” (Majumdar 1985, III: 159-61; Gozio 2004: 136-37 [C.94]). Kết quả có thể minh chứng được của mối quan hệ đặc biệt này là, dưới triều vua Harivarman, những ảnh hưởng của nghệ thuật Chola đã in đậm dấu ấn trên các công trình kiến trúc đền-tháp được xây mới hoặc trùng tu tại hai thánh địa hoàng gia là Mỹ Sơn và Po Nagar Nha Trang (Baptiste 2010: 151-87; Trần Kỳ Phương 2009: 155-86).

Vai trò của đế chế Chola và của (các) vương quốc Champa trên con đường hải thương

Vào thế kỷ 11 sau khi thống lĩnh toàn bộ miền Nam Ấn Độ, đế chế Chola đã tiến hành kiểm soát con đường hải thương nối liền Nam Ấn và Đông Nam Á và trải dài cho đến tận vùng Hoa Nam, vì thế, mối quan hệ hải thương giữa thương nhân Tamil đối với cảng-thị Tuyền Châu của tỉnh Phúc Kiến, Trung Hoa và các cảng-thị khác ở vùng Đông Nam Á đã trở nên rất thịnh đạt (Kulke 2009: xiii-xx; Sen 2009: 61-75). Vào thời đó, Chola đã cử ít nhất ba đoàn ngoại giao và thương mại đến triều đình nhà Tống vào các năm 1016, 1033 và 1077 (Dehejia 1990: xiv). Các thương nhân của đế chế Chola đã xây dựng nhiều ngôi đền Ấn giáo/Hindu tại Tuyền Châu từ thế kỷ 11- 13 để phục vụ cho cộng đồng thương nhân Tamil và cho các tín đồ Ấn Độ giáo sinh sống tại đây, mà, ngày nay vẫn còn hơn 300 vết tích của kiến trúc và điêu khắc Hindu tồn tại ở cảng-thị này (Guy 2001: 296-302).

Một sự kiện kinh tế lớn đã xảy ra vào đầu thế kỷ 12, đó là chính sách tài chính tân tiến và kỹ nghệ đúc tiền đồng cùng với chính sách hải thương cởi mở của triều Nam Tống (1127-1279), đã khuếch trương mối quan hệ hải thương giữa hai miền Nam Ấn và Hoa Nam; tất cả đã ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển thương mại toàn vùng Đông Nam Á, mà trực tiếp là Champa, nơi vốn là cơ sở trao đổi hàng hóa cao cấp gần gũi nhất với vùng Hoa Nam (Wade 2009: 222-31). Trong bối cảnh đó, các cảng-thị Champa đương thời chắc hẳn phải đóng một vai trò quan trọng ở vị trí trung chuyển trên tuyến hải thương nhộn nhịp nối liền giữa hai vùng đất Nam

Ấn và Hoa Nam. Theo *An Nam sử lược*, xuất bản năm 1335, cho đến đầu thế kỷ 14, các cảng-thị của Champa là nơi đầu tiên các thương thuyền Trung Hoa phải cập bến để lưu trú và lấy nước ngọt, củi nấu trên hải trình đi tiếp về phía nam (Lê Tắc 2002: 72-73). Nhờ giữ vai trò trung gian chính trong mối quan hệ hải thương và nhờ sự phát triển toàn diện hệ thống cảng-thị như những trung tâm cung cấp lâm sản quý cho thương trường quốc tế, nền kinh tế Champa đương thời rất hưng thịnh.

Văn hóa truyền thống Ấn Độ rất chú trọng việc cúng dường để xây dựng các công trình tôn giáo, đặc biệt, phong tục này được khuyến khích dưới vương triều Chola ở Nam Ấn trong các thế kỷ 9-13. Các thương nhân người Tamil của các vương triều hùng mạnh này đã cúng dường rộng rãi để xây dựng nhiều đền-tháp Phật giáo và Ấn giáo cho khách hành hương. Nổi bật trong số đó là ngôi đền Phật giáo nổi tiếng Nagapattinam tại Nam Ấn được xây dưới triều vua Narashimhavarman II vào cuối thế kỷ thứ 7 (khoảng 695-722) và được cúng dường lớn để tôn tạo dưới triều vua Chola Rajaraja I vào năm 1006, ngôi đền này được xây dành cho thương nhân ngoại quốc (Dehejia 1990: 77-78; Ray 2014a: 1-18); ngoài ra nhiều ngôi đền Ấn giáo khác cũng được các tín đồ Tamil dựng ở Tuyên Châu, Phúc Kiến vào thế kỷ 12-13 (Lee 2009: 240-45). Những hoạt động tôn giáo của thương nhân Tamil đã tạo nên những ảnh hưởng văn hóa sâu sắc đến các vương quốc Đông Nam Á đương thời, kể cả Champa (Ray 2014b: 1-18).

Về phía Champa, để tạo dựng những công trình tôn giáo quy mô rất tốn kém trong khắp vương quốc, các vương triều Champa có thể đã nhận được sự cúng dường rộng rãi của tầng lớp quý tộc và thương nhân nước ngoài ngụ cư tại các cảng-thị của vương quốc này. Gần đây, những phát hiện khảo cổ học tại nhóm tháp G của Mỹ Sơn đã cung cấp những chứng cứ để tìm hiểu về việc cúng dường tôn tạo đền đài Ấn giáo của Champa. Trong các cuộc khai quật để phục vụ trùng tu tại nhóm tháp G của Mỹ Sơn, các chuyên gia người Ý đã phát hiện được ba viên gạch-trang-trí-góc-tháp (pièce d'accent) có khắc ký tự chữ Hán là ‘陳’ (Trần) (Zolese 2009: 197-237), hiện được trưng bày tại Bảo tàng Mỹ Sơn. Chữ ‘Trần’ này có nhiều khả năng chính là tính danh của một thương nhân Hoa kiều lưu trú tại Champapura (Đại Chiêm Hải Khẩu/Chiêm Thành [?]), người đã cúng dường để góp phần xây dựng ngôi đền quốc gia của vua Jaya Harivarman vào năm 1157/1158.⁽³⁾ Việc cúng dường để xây dựng ngôi đền chính của nhà vua tại thánh đô của vương quốc cũng chính là để thể hiện uy tín của các thương nhân ngoại quốc đối với cộng đồng của họ. Tại các cảng-thị của Champa từng có nhiều cộng đồng thương nhân nước ngoài ngụ cư (Hardy 2009: 111; Hall 2018: 22), trong đó thương nhân Hoa kiều có thể đã đóng một vai trò trọng yếu đáng kể. Điều này có thể được khẳng định thêm khi mà nhóm tháp Mỹ Sơn G được xây dựng vào giữa thế kỷ 12, chính là thời kỳ sôi nổi của hoạt động giao thương giữa hai miền Hoa Nam và Nam Ấn, mà, Champa

là một trung tâm chuyển tiếp. Theo các nhà nghiên cứu, những thương nhân nước ngoài sinh sống tại các cảng-thị lớn của Champa có thể bao gồm người Ả Rập, Tamil, Bắc Ấn, Trung Hoa, Mã Lai, Khmer, Việt... cho nên tiếng Chăm đã tiếp thu nhiều từ vựng của các ngôn ngữ này (Maspero 1928: 7, note 4).

Mối quan hệ nghệ thuật giữa Chola và Champa

Năm 2006, tác giả bài này đã có dịp đến khảo sát tại di tích Thung lũng Bujang thuộc bang Kedah ở phía tây-bắc bán đảo Malaysia. Đây là một di tích Ấn giáo và Phật giáo phong phú nhất của Malaysia được phát triển trong nhiều thế kỷ, từ thế kỷ 8-13 (Rahman, Yatim 1990: 1-42; Hassan, Chia, Isa 2011: 27-50; Adaya 2011: 69-94). Di tích này tọa lạc ở một cửa sông lớn giữ vai trò của một cảng-thị trọng yếu trên những tuyến hải thương ở Ấn Độ Dương; vào năm 1025, vua Chola Rajendra I đã từng chinh phục cảng-thị này và đặt tên cho nó là Kadaram (Kedah) (Christie 1998: 254). Tại đây, chúng tôi đã nghiên cứu một đài thờ vuông bằng sa thạch có bố cục, kiểu thức, trang trí và thể loại tương tự nhiều tác phẩm điêu khắc của Champa trong các thế kỷ 11-12 (H. 1 và 2). Đài thờ của di tích Bujang có kích thước 88 x 87 x 47 cm, thể hiện một tòa sen cách điệu bằng những đường kỷ hà có hai lớp với một bố cục đăng đối; mặt trên có đục một cái lỗ mộng nhiều cạnh để gắn kết với một phần khác; đây là loại đài thờ lễ vật ‘bali-pitha’ được bài trí trước ngôi đền chính trong tổ hợp kiến trúc đền-tháp dưới thời Chola (Sastri 1955: 707-09). Trong nghệ thuật Chăm loại đài thờ lễ vật ‘bali-pitha’ và đế tháp (sousbase-ment) thể hiện tòa sen cách điệu bằng nhiều đường gờ song song như thể cũng chỉ xuất hiện phổ biến vào các thế kỷ 11-12, mà tiêu biểu là Đài thờ Vũ nữ Trà Kiệu (H. 3) được chế tác vào khoảng nửa sau thế kỷ thứ 11 (Trung bày tại Bảo tàng Điêu khắc Chăm-Đà Nẵng),⁽⁴⁾ Đài thờ bốn con voi (H. 4) Triền Tranh, Duy Trinh, kích thước: 76 x 75 x 63 cm (Trung bày tại Bảo tàng Văn hóa Sa Huỳnh-Champa tại Trà Kiệu, Quảng Nam); và một số đế tháp (sousbasement) của các nhóm đền-tháp tại di tích Mỹ Sơn, bằng sa thạch hoặc bằng gạch, được chạm trổ những tòa sen cách điệu bằng những đường kỷ hà song song xen lẫn những cánh sen đơn giản. Xét về mặt dạng thức nghệ thuật (art form), công năng sử dụng cũng như phong cách thể hiện và thủ pháp tạo hình của các tác phẩm điêu khắc nêu trên, chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy một sự tương đồng sâu sắc về ý tưởng sáng tạo nghệ thuật của chúng. Có thể đánh giá đó là chứng cứ sinh động cho một mối tương quan nghệ thuật trong vùng Đông Nam Á, chúng cùng chia sẻ một xu hướng thẩm mỹ mới đến từ những ảnh hưởng của nghệ thuật Chola đương thời (Devara 2009: 184-86; Shanmugam 2009: 208-26). Cũng dưới ảnh hưởng của kỹ thuật kiến trúc tôn giáo Chola trong giai đoạn nghệ thuật này, kỹ thuật xây dựng đền-tháp Champa đã được cải thiện hoàn mỹ có thể minh chứng bằng những công trình to lớn hơn được xây dựng ở vùng Amaravati, chẳng hạn sự phát triển toàn diện của tổ hợp đền-tháp



Hình 1: Một ngôi đền bằng đá ong tại Thung lũng Bujang, bang Kedah, Malaysia, thế kỷ 11-12. (Ảnh Trần Kỳ Phương).



Hình 2: Đài thờ duy nhất bằng sa thạch có bố cục vuông thể hiện tòa sen bằng những đường kỷ hà, phát hiện tại Thung lũng Bujang, bang Kedah, Malaysia, thế kỷ 11-12. (Ảnh Trần Kỳ Phương).

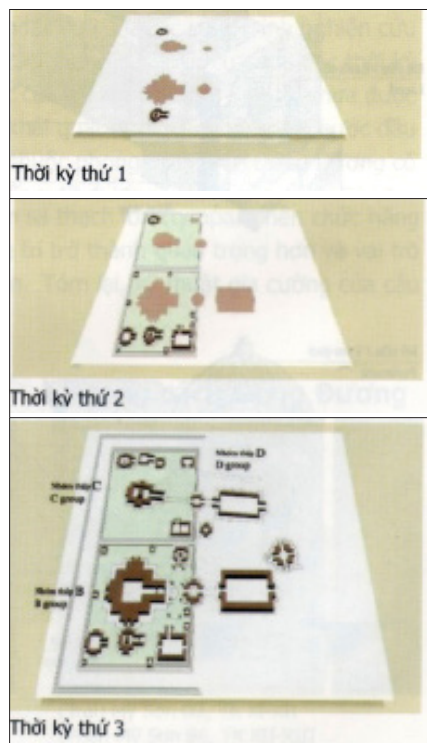


Hình 3: Đài thờ Vũ nữ Trà Kiệu, nửa sau thế kỷ 11. Trưng bày tại Bảo tàng Điêu khắc Chăm-Đà Nẵng. (Ảnh Trần Kỳ Phương).



Hình 4: Đài thờ thể hiện bốn con voi trước một tòa sen bố cục bằng các đường kỷ hà; loại đài thờ này phổ biến trong nghệ thuật Chăm vào thế kỷ 11-12. Hiện trưng bày tại Bảo tàng Văn hóa Sa Huỳnh-Champa, Trà Kiệu, Duy Xuyên, Quảng Nam. (Ảnh Trần Kỳ Phương).

tại Mỹ Sơn (H. 5) thuộc các nhóm A-B-C-D (Trần Kỳ Phương, Okiko, Toshihiko 2005: 22); cùng với các nhóm tháp Khương Mỹ, Chiên Đàn, Bằng An, v.v. (Baptiste 2010: 151-187). Những chứng cứ nêu ra trên lãnh vực lịch sử nghệ thuật có khả năng cung cấp những dữ kiện khách quan mang tính thuyết phục về mối tương tác giữa Nam Ấn và Đông Nam Á. Cá tính thẩm mỹ của nghệ thuật Chola đã mang đến những cảm hứng mới cho sự phát triển nghệ thuật ở Đông Nam Á vào thế kỷ 11-13, được thể hiện trên những công trình kiến trúc và điêu khắc hoành tráng hơn thiên về xu hướng thẩm mỹ hiện thực; trong đó nghệ thuật Chăm là một ví dụ tiêu biểu (H. 6 và 7).



Hình 5: Quá trình tiến triển phức hợp đền-tháp của nhóm Mỹ Sơn B-C-D trải qua ba thời kỳ kiến trúc. *Thời kỳ thứ 1*: khoảng thế kỷ thứ 7 đến 8; *Thời kỳ thứ 2*: khoảng thế kỷ thứ 9 đến 10; *Thời kỳ thứ 3*: khoảng thế kỷ thứ 11 đến 13. Trong đó, thời kỳ thứ 3 nhận ảnh hưởng sâu đậm của nền nghệ thuật Chola. Bố cục của một phức hợp đền-tháp vào thời kỳ này bao gồm: ngôi đền chính (kalan) + tháp cổng (gopura) + tiền đình (mandapa) + những ngôi đền phụ và 'tháp lửa/kosagrha' + tường gạch thấp bao quanh (Trần Kỳ Phương 2009: 164-70). Bản vẽ trưng bày tại Bảo tàng Di tích Mỹ Sơn (Trần Kỳ Phương, Akiko, Toshihiko 2005: 22).



Hình 6: Kiến trúc đền-tháp tại Nam Ấn dưới thời Chola, thế kỷ 12-13, với đặc trưng mái cong hai đầu. (Ảnh Trần Kỳ Phương).



Hình 7: Tháp Mỹ Sơn B5 (còn gọi là 'Tháp Lửa/kosagrha') tại thánh địa Mỹ Sơn có bố cục mái cong hai đầu, nhiều trụ-áp-tường và những đường gờ song song hình hoa sen ảnh hưởng từ nghệ thuật Chola, dựng vào thế kỷ thứ 10 và được tu bổ về sau. (Ảnh Trần Kỳ Phương).

Mặc dù những yếu tố ảnh hưởng của nghệ thuật Chola đã xuất hiện trong nghệ thuật Chăm vào các thế kỷ 11-13, tuy nhiên, cho đến hiện nay vẫn chưa có một minh văn nào bằng tiếng Tamil được phát hiện trong lãnh thổ Champa; trong khi đã có nhiều minh văn của ngôn ngữ này được tìm thấy tại hầu hết các vương quốc cổ ở Đông Nam Á và ở Tuyền Châu, Phúc Kiến. Giữa thập niên 1990, đoàn nghiên cứu của Giáo sư Noboru Karashima, gồm nhiều chuyên gia về ngôn ngữ và văn tự Tamil thuộc Đại học Tokyo, Nhật Bản, đã đến khảo sát tại miền Trung Việt Nam để tìm kiếm các văn bia Tamil, nhưng lúc đó ông chưa tìm được một tiêu bản nào. Có thể kỳ vọng rằng trong tương lai, những phát hiện mới về khảo cổ học Champa sẽ bao gồm những minh văn bằng tiếng Tamil để góp phần làm sáng tỏ hơn mối quan hệ Chola-Champa vào thế kỷ 11-13. Vào một thời điểm muộn hơn, theo những ghi chép của Mã Hoan trong sách *Doanh nhai thắng lãm* (Khảo sát tổng quát các bờ đại dương) được soạn thảo khoảng năm 1434-1436, cho biết rằng vua Champa đương thời, kinh đô đóng ở Vijaya hay Tân Châu, là người Chola hoặc thuộc giòng dõi Ấn Độ (Ma Huan 1970: 79, note 6). Như vậy chúng ta có thể nhận định rằng mối quan hệ Chola-Champa là có manh mối được dẫn chứng từ nhiều nguồn sử liệu khác nhau.

Lời kết

Đây chỉ là một nghiên cứu sơ khởi về mối quan hệ Chola và Champa, là một chủ đề lý thú nhằm cung cấp những hiểu biết sâu hơn về một đế chế lừng lẫy của Nam Ấn và vai trò nổi bật của nó trên Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương vào thế kỷ 11 (Kulke 2009: xv) cũng như vai trò quan trọng về trung gian hải thương của Champa trên Biển Đông và thời kỳ phát triển hoàn mỹ nền nghệ thuật tôn giáo của vương quốc này. Để làm sáng tỏ mối quan hệ đặc biệt này, trước hết, chúng ta cần phải truy vấn ý nghĩa chân xác của sự cổ lịch sử trọng đại được nhấn mạnh trong nhiều minh văn của đế chế Chola, gọi là “những cuộc chinh phạt bằng hải quân của Chola với Srivijaya” như đã nêu trên.

Phải chăng những cuộc chinh phạt này chỉ thuần túy mục đích chính trị và quân sự hay chúng nhằm củng cố mối quan hệ thương mại thiết yếu giữa Nam Ấn và Hoa Nam thông qua các quốc gia láng giềng ở Đông Nam Á, mà trong đó, Champa đã giữ vai trò trung gian thương mại hệ trọng? Trong bối cảnh cuộc khủng hoảng kinh tế chính trị của Champa vào thời kỳ đó, môi trường ngoại thương của vương quốc này có khả năng đã bị ảnh hưởng nghiêm trọng cho nên những cuộc chinh phạt hải quân của Chola có thể được suy luận rằng, chúng không đơn thuần là sự hỗ trợ quân sự để phục hồi nền hòa bình cho Champa nhưng cũng để “thiết lập quyền thương mại của các thương nhân nói tiếng Tamil trong những khu vực đó, công cuộc thương mại mà trong đó giới cầm quyền, thương nhân và quan lại

Chola có thể được hưởng đặc lợi đáng kể” mà các sử gia đã chỉ ra (Kulke 2009: xiv). Tiểu luận này nhằm giải mã một phần những nghi vấn về những sự cố lịch sử đã tạo nên ảnh hưởng sâu sắc của nghệ thuật Chola đến Champa trong thế kỷ 11 cũng như đến các nền văn hóa khác của Đông Nam Á đương thời. Để tiếp tục giải mã ý nghĩa chân xác của mối quan hệ này trên nhãn quan từ Champa đòi hỏi phải có những nghiên cứu chuyên sâu trong tương lai. (*)

T K P

CHÚ THÍCH

- (1) Quê hương của người Cholas ở vùng thung lũng màu mỡ của sông Kaveri nay thuộc quận Tiruchirappalli, bang Tamil Nadu miền Nam Ấn Độ, nhưng họ đã thống trị một khu vực rộng lớn hơn rất nhiều khi đạt đến đỉnh cao quyền lực từ cuối thế kỷ 9 cho đến đầu thế kỷ 13 (907-1215). Dưới triều Rajaraja Chola I và những vua kế nhiệm là Rajendra Chola I, Rajadhiraja Chola, đế chế này đã trở thành một trung tâm quyền lực về quân sự, kinh tế và văn hóa ở Nam Á và Đông Nam Á. Quyền lực của đế chế mới bao trùm đến tận phía đông bởi các cuộc chinh phạt vùng sông Hằng do Rajendra Chola tiến hành; và bởi các cuộc tấn công bằng hải quân vào các cảng-thị của đế chế hàng hải Srivijaya ở vùng Indonesia ngày nay; cũng như việc thiết lập các thương vụ tại miền Nam Trung Hoa. Thời Tống gọi Chola là ‘Chú Liễn’ [Zhu-nian/注輦]. Hạm đội của Chola là đỉnh cao sức mạnh hàng hải của Ấn Độ thời cổ đại.
- (2) Theo Coedès, trong một minh văn của vua Rajendra I ở ngôi đền Tanjore, niên đại 1030-1031, cho biết nhà vua đã chinh phục được nhiều vùng đất ở Đông Nam Á trong đó có một địa danh là Valaippanduru được giả định có thể là tên Pandur[anga] hay Phan Rang của Champa (1968: 143, chú thích 79, 82).
- (3) Trong một trao đổi của chúng tôi với Qian Jian và Geoff Wade, hai sử gia này đã xác minh rằng tính danh ‘Trần’ của các thương nhân rất phổ biến ở miền nam Phúc Kiến trong thế kỷ 12 (Email ngày 14/5/2015). Nhân đây chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn đến hai vị đã cung cấp thông tin này.
- (4) Về niên đại của Đài thờ Vũ nữ Trà Kiệu, trước đây, nó từng được Boisselier xếp vào Phong cách Trà Kiệu và định niên đại vào khoảng nửa sau thế kỷ thứ 10 (1963: 179-82). Trong bài này, khi định lại niên đại cho tác phẩm này là thuộc nửa sau thế kỷ thứ 11, chúng tôi đã dựa vào sự so sánh với các tác phẩm điêu khắc cũng như các bộ phận trang trí kiến trúc của nghệ thuật Champa trong bối cảnh của mối tương quan nghệ thuật giữa Chola và Champa đương thời, đặt biệt dưới triều vua Harivarman, khoảng năm 1074-1081 (Trần Kỳ Phương 2018: 222-25).

* **Lời cảm tạ:** Nội dung chính của bài này đã được trình bày tại ‘International Conference on Growth and Development of Indian Culture: Historical and Literary Perspectives (Prehistoric Period - Twelfth Century CE.)/ Hội nghị quốc tế về sự tăng trưởng và phát triển văn hóa Ấn Độ: Viễn cảnh lịch sử và văn nghệ (Từ thời tiền sử đến thế kỷ 12)’. Tổ chức từ ngày 29/6 đến ngày 01/7/2018 tại Raman Research Institute, Bengaluru, Ấn Độ.

Tác giả chân thành cảm ơn Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) và Quỹ Dr S.R.Rao Memorial Foundation đã tài trợ để được tham gia hội nghị này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Andaya, Y. Leonard, 2011, “The Bujang Valley in the Early History of the ‘Sea of Malayu’”, tr. 69-94, trong *Bujang Valley and Early Civilizations in Southeast Asia*, biên tập Stephen Chia, Barbara Watson Andaya. Malaysia: Department of National Heritage, Ministry of Information, Communications and Culture, Malaysia.
- Baptiste, Pierre, 2010, “Monuments du Champa. La date des styles de Mỹ Sơn A1 et de Chánh Lộ (X-XI siècles)”, *Monuments et Mémoires de la Fondation Eugène Piot*, Tome 88: 151-187. Paris: Académie des Inscriptions et Belles-Lettres.
- Boisselier, Jean, 1963, *La Statuaire du Champa*. Paris: Publications de l’EFEO.
- Christie, Wisseman, 1998, “The Medieval Tamil-language Inscriptions in Southeast Asia and China”, *Journal of Southeast Asian Studies*, 29 (2): 239-268, September 1998.
- Coedès, Goerges, 1968, *The Indianized States of Southeast Asia*, biên tập Walter F. Vella; dịch Susan Brown Cowing. Honolulu: The University Press of Hawaii.
- Dehejia, Vidya, 1990, *Art of the Imperial Cholas*. New York: Columbia University Press.
- Devare, Hema, 2009, “Cultural implications of the Chola maritime fabric trade with Southeast Asia”, tr. 178-192, trong *Nagapattinam to Suvarnadwipa: Reflections on the Chola Naval Expeditions to Southeast Asia*, biên tập Hermann Kulke, K. Kesavapany, Vijay Sakhuja. Singapore: Institute of Southeast Asian Studies.
- Ferrand, Gabriel, 1913, *Relations de Voyages et Textes Géographique: Arabes, Persans et Turks relatifs à l’Extrême-Orient du VIII^e au XVIII^e Siècle*, Tome Premier. Paris: Éditeur Ernest Leroux.
- Golzio, Karl-Heinz (biên tập), 2004, *Inscriptions of Campà*. Achen: Shaker Verlag.
- Guy, John, 2001, “Tamil Merchant Guilds and the Quanzhou Trade”, tr. 283-307, trong *The Emporium of the World: Maritime Quanzhou, 1000-1400*, biên tập Angela Schottenhammer. Leiden-Boston-Koln: Brill.
- Hall, Kenneth, 2018, “Champa Ports-of-Trade Networking on the Coastline c. 300-1500 CE”, tr.19-30, trong *Vibrancy in Stone: Master pieces of the Danang Museum of Cham Sculpture*, biên tập Trần Kỳ Phương, Võ Văn Thắng, P. Sharrock. Bangkok: River Books.
- Hardy, Andrew, 2009, “Eaglewood and the Economic History of Champa and Central Vietnam”, tr. 107-126, trong *Champa and the Archaeology of Mỹ Sơn (Vietnam)*, biên tập Andrew Hardy, M. Cucarzi, P. Zolese. Singapore: NUS Press.
- Hassan, Zolkurnian, Stephen Chia, Hamid Mohd Isa, 2011, “Survey and Excavation of an Ancient Monument in Sungai Batu, Bujang Valley, Kedah, Malaysia”, tr. 27-50, trong *Bujang Valley and Early Civilizations in Southeast Asia*, biên tập Stephen Chia, Barbara Watson Andaya. Malaysia: Department of National Heritage, Ministry of Information, Communications and Culture, Malaysia.
- Kulke, Hermann, 2009, “Introduction”, tr. xiii-xx, trong *Nagapattinam to Suvarnadwipa: Reflections on the Chola Naval Expeditions to Southeast Asia*, biên tập Hermann Kulke, K. Kesavapany, Vijay Sakhuja. Singapore: Institute of Southeast Asian Studies.
- Lee, Risha, 2009, “Rethinking Community: The Indic Carvings of Quanzhou”, tr. 240-270, trong *Nagapattinam to Suvarnadwipa: Reflections on the Chola Naval Expeditions to Southeast Asia*, biên tập Hermann Kulke, K. Kesavapany, Vijay Sakhuja. Singapore: Institute of Southeast Asian Studies.

- Lê Tắc, 2002, *An Nam chí lược* (Bản dịch Viện Đại học Huế). Huế: Nhà xuất bản Thuận Hóa và Trung tâm Ngôn ngữ Đông Tây. (Tái bản).
- Ma Huan, 1970, *Ying-yai sheng-lan*, “The Overall Survey of the Ocean’s Shores” [1433], translated from the Chinese text, edited by Feng Ch’eng-Chün with introduction, notes and appendices by J. V. G. Mills. Cambridge: The Syndics of the Cambridge University Press.
- Majumdar, R.C, 1985 [1927], *Champa: History & Culture of an Indian Colonial Kingdom in the Far East 2nd-16th century A.D.* Delhi: Gian Publishing House. (Reprinted from the first edition of 1927)
- Majumdar, R. C, 1961, “The Overseas Expeditions of King Rājendra Cola”, *Artibus Asiae*, Vol. 24, No. 3/4: 338-342.
- Maspéro, Georges, 1928, *Le Royaume de Champa*. Paris et Bruxelles: G. Van Oest.
- Rahman, Nik Hasan & Othman Yatim, 1990, *Antiquities of Bujang Valley*. Kuala Lumpur: Museum Association of Malaysia.
- Ray, Himanshu Prabha, 2014a, *A ‘Chinese’ Pagoda at Nagapattinam on the Tamil Coast: Revisiting India’s Early Maritime Networks*. New Dehli: India International Centre (Occasional Publication 66). (Sách nhỏ 22 trang).
- Ray, Himanshu Prabha, 2014b, “Maritime Landscapes and Coastal Architecture: The Long Coastline of India”, tr. 1-18, trong *Mausam: Maritime Cultural Landscapes across the Indian Ocean*, biên tập Himanshu Prabha Ray. New Delhi: National Monuments Authority.
- Shanmugam, P, 2009, “India and Southeast Asia: South Indian Cultural Links with Indonesia”, tr. 208-226, trong *Nagapattinam to Suvarnadwipa: Reflections on the Chola Naval Expeditions to Southeast Asia*, biên tập Hermann Kulke, K. Kesavapany, Vijay Sakhuja. Singapore: Institute of Southeast Asian Studies.
- Sastri, Nilakanta, 1955, *The Cōlas*. Madras: University of Madras.
- Sen, Tansen, 2009, “The Military Campaigns of Rajendra and the Chola-Srivijaya-China Triangle”, tr. 61-75, trong *Nagapattinam to Suvarnadwipa: Reflections on the Chola Naval Expeditions to Southeast Asia*, edited by Hermann Kulke, K. Kesavapany, Vijay Sakhuja. Singapore: Institute of Southeast Asian Studies.
- *Toàn thư (Đại Việt sử ký toàn thư)*, 1993, Tập I, biên tập Viện Khoa học Xã hội Việt Nam. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.
- Trần Kỳ Phương, Oyama Akiko, Shine Toshihiko, 2005, *Nhà trưng bày Mỹ Sơn, Việt Nam*. Tokyo: Nihon University. (Sách nhỏ 26 trang).
- Trần Kỳ Phương, 2018, “Catalogue 56”, tr. 222-225, trong *Vibrancy in Stone: Masterpieces of the Danang Museum of Cham Sculpture*, biên tập Trần Kỳ Phương, Võ Văn Thắng, P. Sharrock. Bangkok: River Books.
- Trần Kỳ Phương, 2017, “Ghi chú về Phật viện Đồng Dương (Quảng Nam) trong cuộc giao tranh đầu tiên giữa Đại Việt với Chiêm Thành”, tr. 597-603, *Những phát hiện về khảo cổ học năm 2016*, biên tập Viện Khảo cổ học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.
- Trần Kỳ Phương, 2009, “The Architecture of the Temple-Towers of Ancient Champa (Central Vietnam)”, tr. 155-186, trong *Champa and the Archaeology of Mỹ Sơn (Vietnam)*, biên tập Andrew Hardy, M. Cucarzi, P. Zolese. Singapore: NUS Press.

- Trần Kỳ Phương, 1994, “Ghi chú về những bi ký bị đập phá ở Mỹ Sơn”, tr. 289-290, *Những phát hiện hiện mới về khảo cổ học năm 1993*, biên tập Viện Khảo cổ học. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.
- 33. Wade, G., 2011, “The ‘Account of Champa’ in Song Hui Jigao”, tr.138-168, trong *The Cham of Vietnam: History, Society and Art*, biên tập Trần Kỳ Phương, Bruce Lockhart. Singapore: NUS Press.
- 34. Wade, G., 2009, “An Early Age of Commerce in Southeast Asia, 900-1300 CE”, *Journal of Southeast Asian Studies*, 40 (2): 221-265, June 2009.
- 35. Zolese, Patrizia, 2009, “Results of the Archaeological Investigations at Mỹ Sơn G Group (1997-2007)”, tr. 197-237, trong *Champa and the Archaeology of Mỹ Sơn (Vietnam)*, biên tập Andrew Hardy, M. Cucarzi, P. Zolese. Singapore: NUS Press.

TÓM TẮT

Tiểu luận này là một nghiên cứu sơ khởi về mối quan hệ giữa đế chế Chola và vương quốc Champa nhằm tìm hiểu sâu hơn về một đế chế lừng lẫy của Nam Ấn và vai trò nổi bật của nó trên Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương vào thế kỷ 11 cũng như vai trò quan trọng về trung gian hải thương của Champa trên Biển Đông. Để làm sáng tỏ mối quan hệ đặc biệt này, tác giả đã dựa trên những cứ liệu được dẫn chứng từ các công trình nghệ thuật của Champa từ thế kỷ 11-13 và các biến cố lịch sử xảy ra trong vương quốc Champa từ cuối thế kỷ 10 trở về sau.

ABSTRACT

CHAM ART IN THE 11TH AND 12TH CENTURY IN THE RELATIONS WITH CHOLA EMPIRE THROUGH MARITIME TRADE ROUTE

This essay is a preliminary study on the relationship between the Chola empire and the kingdom of Champa in order to better understand the illustrious empire of South India and its prominent role in the Indian Ocean and Pacific Ocean in the 11th century and the important role of Champa's maritime intermediaries in the East Sea. To clarify this special relationship, the author relies on the evidence extracted from the monuments of Cham art from 11th to 13th century and the historical events occurring in the kingdom of Champa from the late 10th century onwards.